

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

**Nhận định thị trường:**

#### Tổng quan thị trường

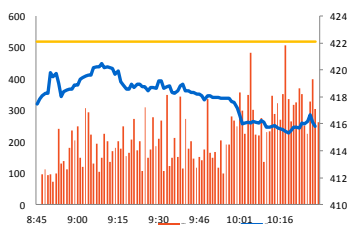
|                       | Giá trị | Thay đổi | ± %    |
|-----------------------|---------|----------|--------|
| VN-Index              | 417.21  | ↓ -0.97  | -0.23% |
| KLGD (triệu ck)       | 37.96   | ↑ 9.53   | 33.53% |
| GTGD (tỷ đồng)        | 595.92  | ↑ 110.17 | 22.68% |
| Tổng cung (triệu ck)  | 66.46   | ↑ 0.84   | 1.28%  |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 71.11   | ↑ 13.55  | 23.55% |
| Giao dịch NN          |         |          |        |
| KL mua (triệu ck)     | 2.44    | ↑ 0.58   | 31.33% |
| KL bán (triệu ck)     | 4.48    | ↑ 1.48   | 49.32% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 90.18   | ↓ -5.85  | -6.09% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 136.84  | ↑ 20.87  | 17.99% |

Các thành viên tổ Điều hành thị trường trong nước (liên bộ) vừa thống nhất dự báo CPI tháng 10.2011 sẽ tăng khoảng 0,5 – 0,6% so với tháng 9. Để đạt được mục tiêu kiềm chế lạm phát cả năm 2011 là 18%, thì ba tháng cuối năm mỗi tháng CPI chỉ “được phép” tăng khoảng 0,45%.

Theo NHNN, huy động vốn và tín dụng 20 ngày đầu tháng 9 giảm do việc hạch toán lại đúng bản chất của các khoản tiền gửi và cho vay trước đây, nhưng đã có biểu hiện tăng trở lại từ ngày 23/9/2011 phản ánh sự tăng trưởng lành mạnh, đúng thực chất.

Phiên hôm qua NHNN tiếp tục bơm thêm vào thị trường 108 triệu USD, tuy nhiên tỷ giá vẫn tiếp tục tăng. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 150 điểm so với hôm qua, tỷ giá liên ngân hàng cũng đột ngột tăng mạnh lên mức 21.090 – 21.095 VNĐ/USD. Diễn biến này cho thấy áp lực tỷ giá trong các tháng cuối năm khá lớn.

#### Biến động trong ngày



*Phiên hôm nay, thị trường lại giảm nhẹ, thanh khoản tiếp tục duy trì mức thấp (dưới 70 triệu đơn vị trên 2 sàn). Diễn biến trong công cuộc hạ lãi suất đang có chiều hướng tích cực hơn. Lãi suất cho vay với các lĩnh vực không thuộc lĩnh vực phi sản xuất đang dần hạ xuống. Mặc dù vậy, tâm lý thị trường vẫn chịu sự ảnh hưởng bởi áp lực tỷ giá và sự lo ngại về lạm phát trong các tháng cuối năm. Phiên giao dịch hôm nay, dư mua và dư bán trên thị trường đều khá lớn, nhưng khối lượng khớp lệnh ở hầu hết các bluechips lại ở mức thấp hơn, cho thấy tâm lý NĐT chủ yếu vẫn là chờ đợi những tín hiệu rõ nét hơn.*

**Bình Phạm**

**Director of Research**

**Dương Dao, Analyst**

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888 Fax: 393439999

*Như chúng tôi nhận định trong bản tin trước, VN-index đang ở ngưỡng hỗ trợ 416 điểm còn HNX-Index cũng ở mức hỗ trợ 69 điểm mặc dù sức hỗ trợ không mạnh. Sau một số phiên giảm nhanh và mạnh, nhiều công cụ kỹ thuật đã đi vào vùng quá bán và cho thấy tín hiệu tâm lý bên bán đã bị “quá đà”. Do đó đà giảm có thể chấm dứt, chỉ số 2 sàn có khả năng sẽ dao động hẹp một vài phiên tại các ngưỡng hỗ trợ này.*

*Trong ngắn hạn, rủi ro giá giảm vẫn cao. NĐT nên tận dụng những phiên thị trường tăng nhẹ mà thanh khoản yếu để giảm tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục. Ưu tiên tăng tỷ lệ tiền mặt trước khi thị trường về vùng hỗ trợ mạnh.*

## HNX:

## Nhận định thị trường:

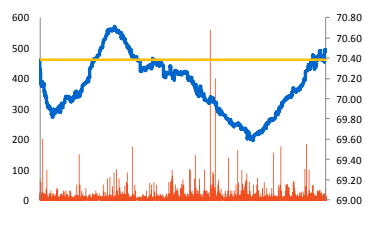
## Tổng quan thị trường

|                       | Giá trị | Thay đổi | ± %    |
|-----------------------|---------|----------|--------|
| HNX-Index             | 70.34   | -0.12    | -0.17% |
| KLGD (triệu ck)       | 33.08   | 0.29     | 0.90%  |
| GTGD (tỷ đồng)        | 340.09  | 16.87    | 5.22%  |
| Tổng cung (triệu ck)  | 46.41   | 2.16     | 4.89%  |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 57.07   | -0.69    | -1.19% |
| Giao dịch NN          |         |          |        |
| KL mua (triệu ck)     | 0.46    | 0.15     | 47.49% |
| KL bán (triệu ck)     | 0.73    | 0.22     | 42.23% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 6.87    | 3.12     | 83.01% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 9.11    | 3.18     | 53.65% |



Đồ thị HNX-Index.

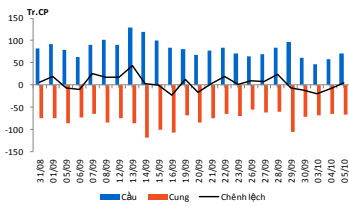
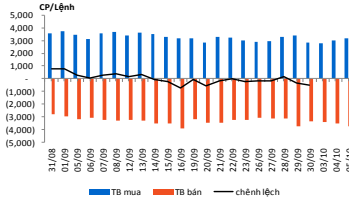
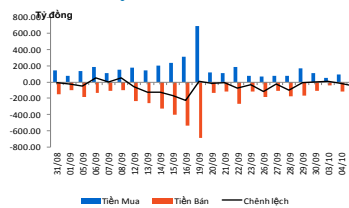
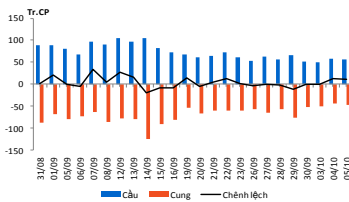
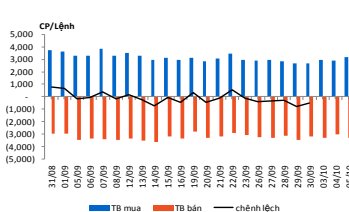
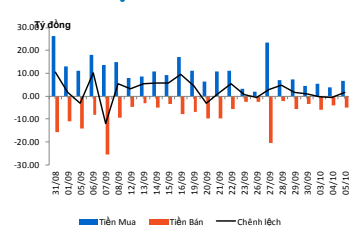
## Biến động trong ngày



Diễn biến trên sàn Hà Nội chưa thể hiện được yếu tố tích cực. Mặc dù dư mua – dư bán khá lớn, nhưng khối lượng giao dịch khớp lệnh trên hầu hết các bluechips chỉ ở mức thấp. Thị trường đang thể hiện trạng thái sideway với tâm lý lưỡng lự chiếm ưu thế.

Xu thế giảm ngắn hạn đã được xác nhận trên nhiều mã cổ phiếu chủ chốt sàn Hà Nội. Nhóm KLS, BVS, VND,... hiện đang dao động tại vùng hỗ trợ fibo 61,8% . Một số mã khác như SHN, THV.... đã mất ngưỡng này và có chiều hướng retest ngưỡng. THV và một số ít cổ phiếu có dư mua trần, tuy nhiên thanh khoản các mã này vẫn nằm trong chiều hướng giảm cho thấy dấu hiệu của một bẫy tăng giá (bull trap).

***HNX-Index đi vào vùng hỗ trợ yếu tại 69 điểm. Công cụ dòng tiền đang dịch chuyển trong vùng Quá Bán cho thấy dấu hiệu thị trường đã sụt giảm quá đà. Áp lực bán giá thấp giảm bớt, đà giảm thị trường đang tạm chững lại và HNX-Index có thể dao động hẹp quanh ngưỡng 69 điểm, hoặc kiểm chứng lại (retest) ngưỡng 71 điểm. Thanh khoản thị trường vẫn trong hướng giảm dần. Yếu tố thanh khoản cho thấy rủi ro giá giảm trong ngắn hạn vẫn có xác suất cao. HNX-Index có ngưỡng hỗ trợ mạnh tại đáy cũ vùng giá 66 điểm..***

**HSX****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Kết thúc đợt khớp lệnh thứ nhất, VN-Index tăng 2.56 điểm, tương ứng 0.61% lên 420.74 điểm, nhờ sự tăng giá của 1 số mã blue-chips như ITA, SSI, KBC, VPL, DHG.. Sang đợt khớp lệnh liên tục, nhân cơ hội thị trường bật tăng sau một loạt phiên giảm, ượng cung tăng lên, khiến biên độ tăng thu hẹp dần BVH, VIC lần lượt giảm giá, MSN và một số mã bluechips ở mốc tham chiếu. Tuy nhiên nhiều cổ phiếu vừa và nhỏ khác vẫn giữ được mức tăng nhẹ giúp VN-Index duy trì sắc xanh. Cuối đợt khớp lệnh liên tục, mặc dù có tới 134 mã tăng giá nhưng VIC giảm hết biên độ, BVH, MSN giảm khoảng 1% khiến VN-Index mất 2.16 điểm, tương ứng 0.52% khớp tại 416.02 điểm. Chốt phiên, VPL đảo chiều tăng kịch trần vào cuối phiên, VIC rút ngắn mức giảm xuống 0.97 điểm, tương ứng 0.23% chốt phiên ở 417.21 điểm.

Khối lượng giao dịch ở HOSE phiên này đạt gần 38 triệu đơn vị, trị giá 596 tỷ đồng, trong đó có xấp xỉ 3 triệu cổ phiếu giao dịch thỏa thuận, tương đương 63.4 tỷ đồng.

**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Tiếp nối đà phục hồi nhẹ ở phiên trước, HNX-Index bật tăng 0.72 điểm, tức 1.02% lên 71.18 điểm trong đợt mở cửa nhờ sự hỗ trợ của nhóm cổ phiếu chủ chốt nhích nhẹ, Sang đợt khớp lệnh liên tục, những cổ phiếu lớn thu hẹp biên độ về sát mốc tham chiếu, thậm chí SHN giảm hơn 4%, HNX-Index vẫn duy trì được sắc xanh bám trụ ở ngưỡng 70 điểm nhờ sự hỗ trợ của nhóm cổ phiếu nhỏ. Cổ phiếu ngân hàng tăng giá gồm NVB, SHB, HBB... hỗ trợ đáng kể cho chỉ số HNX-Index. Chốt đợt khớp lệnh 2, với hơn 160 mã tăng giá giúp HNX –Index duy trì mức tăng nhẹ 0.19 điểm lên 70.65 điểm. HNX-Index giằng co mạnh vào phút cuối phiên, nhưng nỗ lực giữ giá không thành, chỉ số giảm nhẹ 0.12 điểm, tức khoảng 0.17% xuống 70.34 điểm. với 139 mã tăng giá, 95 mã giảm và 161 mã đứng giá và không có giao dịch.

HNX có 33.13 triệu cổ phiếu được chuyển nhượng, tương đương 340.4 tỷ đồng. Giao dịch thỏa thuận của HNX tăng đột biến với gần 3.2 triệu cổ phiếu trao tay, tương ứng 27.7 tỷ đồng.

## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 26 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 15 cổ phiếu tăng giá, 6 cổ phiếu đứng giá và 5 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PGS (tăng 6,33%), PSG (tăng 5,80%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PXT (giảm 4,69%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,85% và tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 7,9 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 05/10:

| STT | Mã  | Tên công ty                                   | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Nơi giao dịch |
|-----|-----|-----------------------------------------------|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|---------------|
| 1   | PCG | CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị          | 4,600              | 1,000     | → 0.00        | 0.40  | 13.53         | HNX           |
| 2   | PCT | CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long                 | 4,100              | 7,900     | ↑ 2.50        | 0.38  | 31.54         | HNX           |
| 3   | PFL | CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN        | 7,000              | 236,600   | → 0.00        | 0.41  | 0.69          | HNX           |
| 4   | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam         | 23,500             | 1,066,600 | ↑ 6.33        | 1.37  | 49.96         | HNX           |
| 5   | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN     | 10,300             | 184,500   | ↑ 1.98        | 0.84  | 44.78         | HNX           |
| 6   | PPE | CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam         | 6,200              | 100       | ↓ -3.13       | 0.58  | N/A           | HNX           |
| 7   | PSG | CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn        | 7,300              | 11,600    | ↑ 5.80        | 0.68  | 5.49          | HNX           |
| 8   | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí                      | 6,200              | 135,700   | ↑ 1.64        | 0.62  | 0.93          | HNX           |
| 9   | PVC | Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí | 16,200             | 156,800   | ↑ 1.89        | 0.97  | 7.40          | HNX           |
| 10  | PVE | Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí       | 11,400             | 203,800   | ↑ 2.70        | 2.00  | 8.20          | HNX           |
| 11  | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc         | 12,900             | 613,900   | ↑ 3.20        | 0.83  | 6.52          | HNX           |
| 12  | PVI | Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí                    | 16,100             | 22,000    | ↑ 1.26        | 0.69  | 20.64         | HNX           |
| 13  | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN    | 8,500              | 8,500     | → 0.00        | 0.82  | 2.27          | HNX           |
| 14  | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí            | 15,300             | 160,200   | ↓ -1.29       | 1.29  | 5.75          | HNX           |
| 15  | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN                  | 11,100             | 2,129,300 | → 0.00        | 0.49  | 1.79          | HNX           |
| 16  | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí     | 32,300             | 320,520   | ↑ 0.94        | 1.93  | 5.22          | HSX           |
| 17  | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí            | 12,100             | 181,720   | ↑ 0.83        | 1.08  | 6.61          | HSX           |
| 18  | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN         | 34,700             | 50,820    | ↓ -3.61       | 2.34  | 10.43         | HSX           |
| 19  | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí         | 7,600              | 145,630   | → 0.00        | 0.67  | 5.25          | HSX           |
| 20  | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí      | 38,200             | 178,340   | ↑ 2.14        | 2.94  | 14.64         | HSX           |
| 21  | PVF | Tổng CTCP Tài chính Dầu khí                   | 12,600             | 356,950   | → 0.00        | 1.12  | 15.06         | HSX           |
| 22  | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí                     | 4,700              | 1,150,670 | ↓ -2.08       | 0.60  | 37.09         | HSX           |
| 23  | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí  | 7,300              | 33,240    | ↑ 1.39        | 0.62  | 1.66          | HSX           |
| 24  | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung               | 7,700              | 219,760   | ↑ 1.32        | 0.70  | 8.73          | HSX           |
| 25  | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí      | 10,700             | 100,540   | ↑ 2.88        | 0.97  | N/A           | HSX           |
| 26  | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí        | 6,100              | 223,950   | ↓ -4.69       | 0.61  | N/A           | HSX           |
| 27  | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2            | 5,800              | 18,800    | → 0.00        | N/A   | N/A           | UPCOM         |
| 28  | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng                | 3,500              | -         | → 0.00        | N/A   | N/A           | UPCOM         |
| 29  | PSP | CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ             | 4,500              | 3,000     | → 0.00        | 0.40  | N/A           | UPCOM         |
| 30  | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương               | 2,600              | -         | → 0.00        | 0.26  | N/A           | UPCOM         |

## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

### Lịch đấu giá các công ty

| Công ty                                           | VĐL<br>(tỷ đồng) | Tổng số CP<br>chào bán | Giá khởi<br>điểm<br>(đ/cp) | Ngày đấu giá |
|---------------------------------------------------|------------------|------------------------|----------------------------|--------------|
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh     | 34.69            | 924.709                | 10.000                     | 27/10/2011   |
| Công ty cổ phần Thức ăn chăn nuôi Bạc Liêu        | 17               | 1.539.717              | 10.000                     | 26/10/2011   |
| Công ty Tài Chính Cổ phần HANDICO (HAFIC)         | 350              | 7.000.000              | 11.500                     | 11/10/2011   |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây lắp và Phát triển Nhà | 37.76            | 1.123.581              | 10.000                     | 03/08/2011   |

### Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

| Công ty                                          | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày nộp hồ sơ |
|--------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|----------------|
| Tổng CTCP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam | HNX                         | 263              | 03/10/2011     |
| CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao         | HNX                         | 540              | 03/10/2011     |
| CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau    | HNX                         | 50               | 03/10/2011     |
| CTCP Châu Á                                      | HNX                         | 36               | 27/09/2011     |
| Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng ACB                       | HOSE                        | 240              | 19/08/2011     |

### Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

| Công ty                                     | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày được chấp<br>thuận |
|---------------------------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------------|
| CTCP Tập đoàn FLC                           | HSX                         | 170              | 09/09/2011              |
| CTCP CNG Việt Nam                           | HSX                         | 162              | 05/09/2011              |
| CTCP Khai Tắc và Chế biến Khoán Sản Lào Cai | HSX                         | 85               | 05/09/2011              |
| CTCP Thủy Sản Cửu Long                      | HSX                         | 80               | 25/08/2011              |

### Lịch niêm yết lần đầu

| Công ty                               | Mã CK | Địa chỉ<br>niêm yết | Vốn điều<br>lệ (tỷ đồng) | Ngày giao<br>dịch |
|---------------------------------------|-------|---------------------|--------------------------|-------------------|
| CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam | PPE   | HNX                 | 20                       | 20/09/2011        |
| CTCP Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân   | GMX   | HNX                 | 53                       | 15/09/2011        |
| CTCP Tập đoàn FLC                     | FDT   | HNX                 | 30,5                     | 12/09/2011        |
| Công ty cổ phần Licogi 14             | L14   | HNX                 | 28                       | 13/09/2011        |

Nguồn: HSX, HNX

## THÔNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| IJC | 12,100     | 11,600   | -4.13 | 65,372                             |
| VIC | 94,500     | 92,500   | -2.12 | 57,589                             |
| FPT | 51,000     | 50,500   | -0.98 | 31,048                             |
| TDC | 9,800      | 9,400    | -4.08 | 19,930                             |
| STB | 14,500     | 14,500   | 0.00  | 16,942                             |

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| VND | 11,000     | 11,100   | 0.91  | 30,344                             |
| KLS | 11,300     | 11,400   | 0.88  | 25,881                             |
| PGS | 22,100     | 23,500   | 6.33  | 24,642                             |
| PVX | 11,100     | 11,100   | 0.00  | 23,732                             |
| SHN | 9,900      | 9,700    | -2.02 | 19,532                             |

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| BAS | 1,800      | 1,900    | 100   | 5.56 |
| BTP | 4,000      | 4,200    | 200   | 5.00 |
| DTT | 6,000      | 6,300    | 300   | 5.00 |
| HVG | 20,100     | 21,100   | 1,000 | 4.98 |
| VCF | 90,500     | 95,000   | 4,500 | 4.97 |

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %   |
|-----|------------|----------|-------|-------|
| FLC | 12,500     | 16,200   | 3,700 | 29.60 |
| DNC | 4,300      | 4,600    | 300   | 6.98  |
| TET | 27,400     | 29,300   | 1,900 | 6.93  |
| S12 | 5,800      | 6,200    | 400   | 6.90  |
| DHT | 24,700     | 26,400   | 1,700 | 6.88  |

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| DTA | 6,000      | 5,700    | -300   | -5.00 |
| DCL | 16,200     | 15,400   | -800   | -4.94 |
| EVE | 28,400     | 27,000   | -1,400 | -4.93 |
| PXL | 6,100      | 5,800    | -300   | -4.92 |
| CTI | 14,600     | 13,900   | -700   | -4.79 |

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± %   |
|-----|------------|----------|------|-------|
| MKV | 8,600      | 8,000    | -600 | -6.98 |
| S27 | 4,300      | 4,000    | -300 | -6.98 |
| CSC | 12,900     | 12,000   | -900 | -6.98 |
| PPP | 7,200      | 6,700    | -500 | -6.94 |
| HST | 4,400      | 4,100    | -300 | -6.82 |

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| VIC | 22,836                | VIC | 34,038                |
| FPT | 18,902                | FPT | 25,143                |
| PNJ | 8,140                 | PNJ | 8,140                 |
| DPM | 7,733                 | DHG | 8,079                 |
| DHG | 7,131                 | ITA | 7,218                 |

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| PGS | 3,796                 | PVX | 1,850                 |
| PVE | 690                   | KLS | 1,154                 |
| S96 | 334                   | VND | 560                   |
| ICG | 303                   | PGS | 536                   |
| AAA | 213                   | SCR | 506                   |

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

### THÔNG TIN LIÊN HỆ

#### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888



**PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Chi nhánh Hà Nội*

**Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999**

*Chi nhánh Nam Định*

**Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979**

*Chi nhánh Thanh Hoá*

**Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá**

*Chi nhánh Nghệ An*

**Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An**

*Chi nhánh Hải Phòng*

**Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339**